

NGUYÊN TẮC ĐỐI THOẠI TRONG TẢN VĂN VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Nguyên tắc đối thoại là một trong những yếu tố làm nên giá trị và sức hấp dẫn của văn xuôi đương đại. Đối với thể loại tản văn, nguyên tắc đối thoại quyết định giá trị và có tính phân loại vị trí của một sáng tác. Nguyên tắc đối thoại trở thành dấu hiệu nhận biết những tập tản văn có giá trị ở đầu thế kỷ XXI. Ở đó, tác giả và độc giả có sự tương tác, bày tỏ quan điểm cá nhân trên tinh thần trung thực, cởi mở. Nguyên tắc đối thoại vốn đã được xác lập trong các sáng tác trước đó, nhưng cho tới nay, sự phù hợp cao độ giữa đặc điểm riêng của thể loại với bối cảnh chung của đời sống xã hội là môi trường lý tưởng để nguyên tắc đối thoại được thể hiện sắc nét hơn.

Từ khóa: Nguyên tắc đối thoại, tản văn, tương tác, quan điểm, tinh thần trung thực.

Nhận bài ngày 26.8.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 20.9.2020

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thanh Huyền; Email: huyenntt@daihocthuo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Mỗi thể loại, mỗi tác phẩm văn học là một diễn ngôn, thuộc về một loại hình diễn ngôn. Trong một diễn ngôn, chủ thể sáng tạo định hình một chiến lược giao tiếp. Vậy *chiến lược giao tiếp* được hiểu “là mô hình tương tác cố định của những người tham gia sự kiện giao tiếp (*diễn ngôn*). Nếu sự kiện giao tiếp là sự kiện giữa các cá nhân, thì chiến lược giao tiếp là một hệ thống tham số cơ bản nào đó của việc sáng tạo văn bản” [3]. Trong khái niệm của V.I. Chiupa có hai vấn đề cơ bản liên quan tới lý thuyết diễn ngôn: Thứ nhất, những “*mô hình tương tác cố định*”- là cơ chế kiến tạo diễn ngôn theo những quy ước riêng của một thể loại; những người “*tham gia sự kiện diễn ngôn*” – liên quan tới thẩm quyền sáng tạo và thẩm quyền tiếp nhận. Nội hàm của các vấn đề đó đã được trình bày ở phần trên khi luận án tìm hiểu về diễn ngôn và thẩm quyền diễn ngôn. Thứ hai, khái niệm chỉ dẫn có thể nhận biết chiến lược giao tiếp qua một “*hệ thống những tham số cơ bản*” của việc sáng tác như: Ngôn ngữ, giọng điệu, kết cấu, chất liệu v.v... có thể xem đây là những biểu hiện của những bình diện khác nhau trong cấu trúc diễn ngôn. Nghiên cứu về chiến lược giao tiếp không thể tách khỏi lý thuyết diễn ngôn. Các vấn đề lý thuyết đó thực sự quan trọng trong việc tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tản văn Việt Nam từ góc độ chiến lược giao tiếp.

Với tư cách là “*một hệ thống tham số cơ bản của việc sáng tạo văn bản*”, chiến lược

giao tiếp giữ vai trò quan trọng, nó trở thành “*một trong những tính năng cơ bản của các hiện tượng văn học như thể loại và hệ hình của tính nghệ thuật*” [3]. Nói cách khác, ở mỗi thể loại, chiến lược giao tiếp thể hiện quyền uy và đặt ra ý đồ của chủ thể sáng tạo khi xây dựng mối quan hệ giao tiếp với chủ thể tiếp nhận. Nếu lấy lý thuyết căn bản về diễn ngôn, thẩm quyền diễn ngôn và chiến lược giao tiếp với tư cách là chủ định của diễn ngôn làm thang giá trị, tản văn Việt Nam đầu thế kỷ XXI đã sử dụng hiệu quả hai chiến lược: đối thoại và khơi gợi. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới nguyên tắc đối thoại trong tản văn Việt Nam đầu thế kỷ XXI.

2. NỘI DUNG

2.1 Về bản chất của nguyên tắc đối thoại

So với tản văn Việt Nam thế kỷ XX, một trong những biến đổi quan trọng của tản văn đầu thế kỷ XXI là tăng cường tính đối thoại và khả năng kích thích sự phản biện. Có thể xem đó là ưu điểm của thể loại (so với tản văn ở chặng đường trước đó) khi nó phá vỡ sự chùng mực – những giới hạn chủ quan trong biểu hiện. Tính chất đó là hệ quả của nguyên tắc đối thoại mở mà những cây bút sáng tác ở thời kỳ này tự “cấp” cho mình quyền được chất vấn thời đại, đồng thời tạo cơ hội cho độc giả sử dụng quyền phản biện. Tính đối thoại được mở ra từ nhiều phía, tạo ra sự cân bằng của các phương diện trong thẩm quyền diễn ngôn, nó khiến cả tác giả lẫn độc giả có cảm giác mình được tự do trong suy ngẫm – một dấu hiệu quan trọng của tính bình đẳng, dân chủ trong văn học.

Định nghĩa về diễn ngôn, Julia Kristeva cho rằng: “*Nguyên tắc đối thoại bao giờ cũng đi đôi với các cấu trúc chiều sâu của diễn ngôn, ... Nguyên tắc đối thoại là nguyên tắc của mọi phát ngôn*” [3], diễn ngôn của từng thể loại sẽ quyết định lựa chọn chiến lược phát ngôn theo nguyên tắc độc thoại đóng kín hay đối thoại mở. Ngay từ đầu, thể loại tản văn đã chứa đựng nguyên tắc đối thoại vốn có của một diễn ngôn. Tính chất đối thoại được thể hiện trong tản văn Việt Nam đầu thế kỷ XXI khi nó được ra đời theo xu hướng chủ đạo: sự cân bằng giữa các yếu tố khách thể (cái thông báo) – bản thân thủ thể (sự biểu cảm) – người tiếp nhận (tính mục đích). Trong diễn ngôn, đó là sự cân bằng của các phương diện: thẩm quyền của cái được tham chiếu – thẩm quyền sáng tạo và thẩm quyền tiếp nhận, nghĩa là quan hệ đẳng cấp giữa những người tham gia sự kiện giao tiếp có tính chất bình đẳng. Mặc dù ba bình diện của thẩm quyền diễn ngôn có vai trò ngang hàng nhưng chiến lược giao tiếp theo hướng đối thoại đã mở rộng diễn ngôn của các thẩm quyền: bắt đầu từ cái nhỏ bé, nhân danh cá nhân để mở rộng nói về thế giới chung, nói với mọi người, một biểu hiện nhỏ trong đời sống cũng có thể trở thành tản văn đề cập tới những vấn đề lớn của xã hội. Vì tính chất đối thoại mở, các yếu tố tham dự diễn ngôn bình đẳng mà trong tản văn hiện đại, chủ thể và người tiếp nhận nhập vào làm một trong trường tham chiếu của diễn ngôn, điều đó được hiểu như sự đồng cảm, đồng điệu cao nhất từ hai phía khi cùng thông hiểu một sáng tác.

2.2 Tản văn Việt Nam đầu thế kỷ XXI tăng cường nguyên tắc đối thoại những vấn đề của đời sống

Giá trị ngang hàng và sự đồng nhất giữa các yếu tố khách thể (cái thông báo) – bản thân

thủ thể (sự biểu cảm) – người tiếp nhận (tính mục đích) chỉ xảy ra khi “*diễn ngôn cần được đọc bằng văn phạm giai cấp, giọng điệu của các giai cấp, trong mâu thuẫn xuất hiện giữa cá nhân và vị thế xã hội của nó, hoặc giữa nhóm và vị thế xã hội của nhóm, trong những mâu thuẫn được thốt lên ở chính diễn ngôn của các đối tượng*” (Jean Baudrillard) [11]. Tản văn đầu thế kỷ XXI phản ánh đặc trưng chủ trương trao đổi, đối thoại của thẩm quyền sáng tạo. Trong môi trường truyền thông, khi tác giả sáng tác một tản văn và lập tức công bố lên các phương tiện truyền thông thì ngay lập tức có độc giả tiếp nhận – thể hiện cảm xúc – phản hồi trực tiếp với tác giả, tạo ra những tương tác tức thời. Tính chất tương tác đó thực chất là cuộc đối thoại vừa có thông tin vừa có xúc cảm – điều mà văn chương xuất bản theo hình thức truyền thông không bao giờ có.

Trên trang cá nhân của nhà phê bình Chu Văn Sơn có bài viết *Chủ nghĩa xà xẻo* (facebook, ngày 28 tháng 12 năm 2018) bàn về vấn đề tham nhũng, “*tham nhũng vặt*”, “*xà xẻo, bớt xén*”, tác giả bày tỏ quan điểm cá nhân: “*Chủ nghĩa xà xẻo không chỉ đợi đến lúc có chuyện tự diễn biến tự chuyển hoá mới phát sinh, mà nó là con đẻ của một thể chế thiếu minh bạch, thiếu công bằng, thiếu dân chủ, thiếu khả năng kiểm soát quyền lực, thiếu tôn trọng nhân quyền và phẩm giá người. Đây là thứ chủ nghĩa nội sinh, còn mô hình thể chế này thì còn chủ nghĩa ấy*”. Bài viết thu hút hơn 300 lượt theo dõi, đồng nghĩa với hơn 300 bạn đọc trên mạng, 34 lượt chia sẻ tương ứng với 34 lần bài viết được xuất bản. Tính đối thoại xảy ra khi những người bạn trên trang cá nhân của nhà văn để lại những bình luận tức thời: “*Xà xẻo là điều kiện của tồn tại*”, “*khái quát cực kỳ chính xác về những quái thai đang hoành hành/ gặm nát bức dư đồ vốn đã tả tơi sau mấy cuộc tang thương*”, “*Chỉ kích hoạt phần tiêu cực – thấu cảm điều này*”, “*To xẻo to, nhỏ xẻo nhỏ. Đất nước này rồi sẽ đi về đâu?*”, “*Xà xẻo thời gian cũng rất quan trọng*”, “*Chủ nghĩa xà xẻo ư? Không! Hành vi xà xẻo đương nhiên sinh ra trong cơ chế hiện hành. Bởi vì hành vi xà xẻo có tính lan truyền từ trên xuống dưới với siêu tốc độ. Nó vượt qua liêm sỉ, danh dự và sự xấu hổ*” v.v...

Ở bài viết khác có nhan đề *Hiệu trưởng trong thể chế quan chủ* (ngày 21 tháng 12 năm 2018), tác giả Chu Văn Sơn đề cập sự việc một hiệu trưởng xâm hại tình dục các nam sinh. Bài viết thu hút hơn 600 view, 139 comment, 89 lượt share. Nhiều bình luận bày tỏ quan ngại về thể chế, giáo dục, đạo đức, nhân cách: “*Ở Việt Nam chưa bao giờ xã hội nhỏ nhắn, giáo dục đốn mạt, thầy giáo tha hóa như vài năm trở lại đây, ...*”, “*hoan nghênh bạn, TS Chu Văn Sơn đã phê phán thẳng thắn vào những khuyết tật xã hội mà không quản ngại ảnh hưởng đến danh lợi cá nhân. Tôi cảm phục bạn!*”, “*Thật đau lòng cho những đứa trẻ, cho tất cả*”, “*Giáo dục là tấm gương phản ánh trung thực đời sống xã hội*” v.v... Lượt chia sẻ lại bài viết (*share*), lượt bình luận (*comment*) cho thấy tính tương tác chặt chẽ giữa người viết và người đọc. Quá trình bình luận và hồi đáp là hình thức đối thoại hiểu theo nghĩa đơn giản nhất, ở tầng nghĩa hàm ẩn, chất đối thoại nằm ở việc thảo luận (mở rộng, xoáy sâu, đồng tình hoặc bất đồng) nhằm nhận diện vấn đề.

Trước hết, tính đối thoại hay cộng cảm (trạng thái cộng hưởng xúc cảm từ phía người viết và người đọc) của tản văn thể hiện ở khả năng nhà văn chọn vấn đề để kéo người đọc nhập cuộc đối thoại. Y Phương là người viết tản văn có khả năng kéo được người đọc nhập

cuộc đối thoại về các giá trị văn hóa vô cùng mạnh mẽ. Mặc dù nhà thơ có chia sẻ cơ duyên viết tản văn trước tiên là đáp ứng đơn đặt hàng của chuyên mục Văn hóa trong một đầu báo. Những bài viết nhỏ khởi đầu giới thiệu về món ăn, phong tục văn hóa của người Tày. Nhưng sau đó, sự xuất hiện dày đặc trong tâm trí nhà thơ những ký ức về vùng văn hóa, đồng đất nơi mình sinh thành đã “đẩy” ông đi tới những trăn trở lớn về sự được – mất của văn hóa Tày. Sự ra đời của ba tập tản văn đoạt giải của Y Phương thực chất là việc “ghép” lại thành công những mảnh vụn ký ức khiến người đọc vừa thích thú chiêm ngưỡng vẻ đẹp văn hóa vùng cao vừa hoang mang lo lắng những giá trị đó một mai sẽ không còn. Một mặt, nhà văn say sưa, miêu tả tỉ mỉ phong tục tập quán mang theo quan niệm đầy tính nhân văn về con người, cuộc sống, thiên nhiên. Mặt khác, nhà văn phản ánh việc người vùng cao sử dụng, buôn bán thuốc phiện; việc người người vùng đồng bằng đổ xô đến nơi này khai thác quặng, những làng nghề truyền thống chỉ còn những dấu vết mờ dần,... tất cả được nhắc tới trong trang viết của Y Phương âm ập nỗi đau hiện sinh. Người viết không giấu nỗi lo âu khi ông đang buộc phải chứng kiến tốc độ đô thị hóa quá nhanh, mà đi kèm với nó là sự mất mát phong tục cổ truyền, giá trị truyền thống. Trong những tác phẩm của ông luôn tiềm ẩn một trục đối lập mang tính so sánh giữa các không gian: Sự đối chiếu giữa quê hương với nơi đất khách, ngày xưa với hôm nay, quá khứ và hiện tại để từ đó người viết tìm sự đồng điệu của công chúng thời đại. Với ông, toàn cầu hóa không thể là sự “cào bằng” bản sắc, khó chấp nhận một lối sống hời hợt, lai căng hay mù quáng chạy theo các giá trị vật chất mà bỏ quên những giá trị tinh thần cao đẹp.

Nhân nào quả ấy (Vương Trí Nhàn) là phiếm luận - tạp văn đề cập hàng loạt vấn đề thuộc đời sống văn hóa xã hội của Việt Nam đương đại. Nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn mạnh dạn lật xới hàng loạt những chuyện bất toàn trong xã hội Việt Nam, từ những vấn đề quan yếu trong văn hóa giáo dục như *Thừa thầy thiếu thợ, Mạnh ai nấy sống, Kiếm sống bằng bất cứ giá nào, Bảy bước tới tha hóa*,... đến những câu chuyện về *Câu chuyện nhân tài trong lịch sử, Làm sao vượt lên tình trạng tự phát và manh mún*. Các chủ đề “nông thôn không còn đô thị chưa tới”, “di sản và lễ hội” là những nội dung vẫn đang thời sự và chắc hẳn sẽ còn được quan tâm trong nhiều năm sau nữa. Không quá “đao to búa lớn” hay bung tỏa âm ức bằng giọng điệu hằn học về nhiều câu chuyện văn hóa đương thời, cây bút phê bình sắc sảo chọn cách tiếp cận nhiều vấn đề lớn một cách nhẹ nhàng, bình thản, nhiều khi chỉ là những câu hỏi gợi nhiều suy ngẫm: Nên đón Tết thế nào? Làm thế nào để chọn một cành mai đẹp? Sống sao trong những ngày vui? Nhiều bài viết của Nguyễn Trương Quý, Đỗ Phấn đặt ra những vấn đề tồn tại nhức nhối của Hà Nội trong thời đổi mới: người lao động nhập cư, môi trường đô thị, quy hoạch và bảo tồn phố cổ,... khoảng cách địa lý giữa thành thị với nông thôn gần lại, nhưng cái hố sâu về mức sống, văn hóa, tập quán lại “toang hoác ra”; “nông thôn đang không giữ được người”, thương Hà Nội vì sự nông thôn hóa ngược lại, dân nhập cư hồn nhiên vứt rác, hồn nhiên đứng giữa đường nói chuyện gây ách tắc giao thông; “một người trở nên thanh lịch thì thêm hai, ba người về nhà không đóng cửa, ăn nói mở đài cứ oang oang” cho nên “cái tuổi của một đô thị không nói hết được trình độ đô thị hóa của nó” [10/tr74].

Ngoài ra, tính đối thoại hay cộng cảm còn thể hiện ở cách nhà văn chọn vấn đề, gợi mở đề hai bên: Người viết - người đọc cùng nhập cuộc tranh biện một cách bình đẳng, khác với cách đặt vấn đề có định hướng từ phía người viết. Những vấn đề được khơi gợi trong tản văn của Cao Huy Thuần thể hiện rõ chủ định trao đổi, đối thoại giữa hai phía chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận về những vấn đề văn hóa nổi bật trong đời sống xã hội. Trở đi trở lại trong nhiều tản văn, đặc biệt trong *Sợi tơ nhện*, ông thường đề cập đến một nguyên tắc đạo đức quan trọng: Không nói dối, và trước tiên phải thật với mình thì mới không dối với người. Câu chuyện có thể bắt nguồn từ căn bệnh nói dối tràn lan hiện nay dẫn tới những hệ lụy trầm trọng ở nhiều phương diện của đời sống. Tập tản văn này còn có nhiều những chuyện giản dị, nhiều chuyện tưởng là đùa mà thật thâm thúy, cuộc sống trong những tản văn của ông nhẹ nhàng nhưng có sức tỏa sáng lương tri, giúp “thấp sáng” trí óc người thật sự lắng nghe câu chuyện khiến người đọc thêm trân quý đời sống. Nói như nhà văn Bùi Văn Sơn Nam sau khi đọc tản văn Chuyện trò: *“Chữ nghĩa không phải là than vãn mà cũng làm nóng người”* chỉ vì *“Chưa có ở đâu Cao Huy Thuần đặt ra một loạt những vấn đề luân lý đạo đức một cách rọt ráo, sâu thẳm đến vậy dưới dạng những câu chuyện vô cùng hấp dẫn: nói dối, hồ thẹn, đam mê, tình yêu, chung thủy, chiếm hữu, mặc cảm, tự tin, bỗ phận, nguyên tắc”*. Nhưng dù chọn câu chuyện gì để khai mở, Cao Huy Thuần cũng dẫn người đọc trở về những vấn đề có tính bất biến: chuyện tình yêu- văn hóa- giáo dục và tôn giáo. Trong khi đó, nhà văn Lê Minh Hà cóp nhặt những ký ức nhỏ bé, xinh đẹp thời thanh xuân để viết *Này bọn mình rất đẹp*, *Còn nhớ nhau không*, *Thương thế ngày xưa*,... Những nữ sinh áo trắng trên những nẻo phố phường bình yên, phố vẫn là phố, sông vẫn là sông, hồ nước bát ngát làm nên một không gian diu diu của thành phố nhỏ, mấy món ăn vặt nhâm nhi khoái chí; chị cóp nhặt cả những chi tiết bé xíu trong bữa cơm gia đình thời bao cấp, món canh riêu giã cua mỗi tay, mâm cơm có cả nhà ngồi quanh, trong cái nắng hè không điện đóm, bà ngồi ăn mà cảm chiếc quạt, quạt vòng cho mọi người, ai cũng mồ hôi nhễ nhại mà canh cua cà muối ngon nhớ tới cuối đời. Nguyễn Duy Quyền viết *Quên được cứ quên* trong khi tập tản văn đầy ắp nỗi nhớ thức dậy ký ức buồn đau,... Khi đọc những tản văn đó, ai cũng thấy bóng dáng cuộc đời mình trong đó và lạ thay nhưng chi tiết bé xíu lại khiến ta lén rơi nước mắt. Những tản văn như thế mở ra không gian không thanh âm để cảm xúc người đọc giao hòa với người viết một cách bình đẳng và gần gũi, thân thiện.

Điểm nổi bật của tản văn hôm nay còn là sự kích thích đối thoại, gia tăng tính tương tác giữa người viết - người đọc. Đề tạo những cuộc tranh biện gián tiếp trong tâm tưởng hay đối thoại trực tiếp trên không gian mạng, nhiều tản văn đề cập các vấn đề xã hội nhức nhối, ở đó, người viết không ngại ngần bình luận, phê phán, lật xới phơi bày những góc khuất, mặt tối của hiện tồn. Tiêu biểu cho xu hướng phê phán là Thảo Hảo – bút danh của nữ nhà văn Phan Thị Vàng Anh. Trong tập sách *Nhân trường hợp* của chị Thỏ Bông, người đọc bị lôi cuốn mặc dù đôi lúc bị “sốc” khi đọc những bài viết tập trung phê phán các vấn đề nóng về giáo dục, đạo đức, hành chính, pháp luật, y tế, vệ sinh thực phẩm (*Tôi cũng muốn ăn cắp*, *Để bốp (gần) chết lòng yêu nghề*, *Món nợ ngành giáo dục*, *Cuối cùng là lè lưỡi*, *Giao trứng cho ác*, *Có đức mà không có tài*, *Ai khiến mày lạ?*, *Ai cho mày chê con tao xấu?*, *À ở Việt*

Nam mình cái đó rất khó nói!, Nếu tao là nhà nước, Cái không thuộc về y đức, Nếu tao là nhà nước,...). Người ta “sốc” trước hết bởi bản thân nhan đề mỗi bài viết đã là một sự khiêu khích với thực trạng xã hội; “sốc” vì tác giả Thảo Hảo luôn dùng ngôn từ sắc lạnh, cách đề cập vấn đề có tính gây hấn, mỗi tản văn là một sự bùng nổ của bất bình trước một hiện tượng tiêu cực đang “chình ịch” trong đời sống của chúng ta hôm nay. Nhà văn không ngại “xộc” thẳng khi bàn đến những mặt trái, cũng không né tránh việc nhắc đích danh một lãnh đạo – cho dù đó là kiểu “mập mờ” nửa giấu nửa khoe: *“Có một anh phóng viên gặp một quan chức ngành vệ sinh an toàn thực phẩm. Nói trắng ra cho rồi: Ông Phó Cục trưởng”*. Sau dòng giới thiệu mở đầu như thế thì ở dưới chân trang chú thích dẫn nguồn bài viết, nội dung phóng viên phỏng vấn Phó Cục trưởng nọ [1/tr.125]. Đến mức đó thì ai cũng có thể truy xuất tiểu sử chi tiết của ông Phó Cục trưởng chỉ sau một cú click chuột vào Google. Mà nhắc tới lãnh đạo có chức năng quản lý chỉ để chất vấn về vấn đề chất độc trong hoa quả (nhập về từ) Trung Quốc đã được Cục nghiên cứu cách đó hai năm rồi mà sao mãi không trưng ra kết quả, kết luận cho dân hay? Đủ để thấy bản lĩnh của nhà văn trước những vấn đề nóng của xã hội, với tác giả, không có giới hạn nào “buộc” được sự thật, kể cả một nhân vật quyền lực. Song nếu chỉ “sòng sọc” vào những mặt trái của đời sống mà viết mà nói cho hả dạ thì người viết có khác nào một người đàn bà ghê gớm, sắc sảo? Mà giá trị đáng kể của tập tản văn nằm ở tâm trạng nôn nóng đầy trách nhiệm của người cầm bút sau khi truy tận cùng căn nguyên các hiện tượng. Sau ba lần tái bản, tập sách thành hiện tượng vì độc giả như được tham gia một cuộc thảo luận thẳng thắn về các vấn đề thường nhật của đời sống.

Trong tản văn cùng tên tập sách nhà văn “tung” vấn đề nữ quyền và bình đẳng giới để người đọc (là nam hay nữ) đều có cảm giác “nóng mặt” muốn cãi tay đôi với tác giả. Trong khi độc giả năm người mười hướng nghĩ thì một mình nhà văn đi một đường lập luận, con đường ấy rắc rối đúng kiểu “nghĩ một đằng, làm một nẻo”, phần đầu giục giã nữ giới chọn cách làm “hoa đại” để có sức quyến rũ, nhưng hạ kết lại tự thú: *“Tôi nghĩ kỹ rồi, tôi chỉ hung hăng thế thôi. Để không mất anh ấy, tôi sẽ làm hoa nhuỵ”* [1/tr.68]. So với phụ nữ phương Tây, cách nhìn của tác giả về nữ quyền không mới nhưng trong bối cảnh xã hội đề cao đạo đức truyền thống của phụ nữ Việt Nam thì sự cổ vũ “hành vi phiêu lưu đậm chất cách mạng giới tính” của nhà văn thật táo bạo, tạo sự tranh luận về giới và về phẩm giá một cách sôi nổi. Từ tập Nhân trường hợp của chị Thổ Bông tới Ghi chép nhỏ của người cưỡi ngựa của nhà văn Phan Thị Vàng Anh đã giảm đi phần nào lối viết đầy mạnh người đọc vào các vấn đề nhức nhối nhưng vẫn giữ được sự kích thích đối thoại từ hai phía. Nhan đề tập sách hàm ý tản văn chỉ là ghi chép nhỏ, đúng với tinh thần mỗi tản văn thường bắt đầu bằng những câu chuyện cụ thể, đôi khi tầm phào và lý giải nó dưới mắt nhìn, sự chiêm nghiệm của bản thân, từ chuyện gói bánh chưng, nuôi người già, chuyện đưa trẻ con vào bảo tàng cho tới chuyện rất thời sự là thực phẩm bẩn, chuyện đi tàu năm sao, chuyện một cô giáo bắt phạt 47 học sinh bằng cách bắt chúng liếm ghế của cô,... nhưng tinh ý sẽ thấy tác giả đặt những vật vãnh, nhỏ nhặt ấy trong tốc độ đời sống đang trôi nhanh, môi trường bị ô nhiễm, giá cả leo thang, dòng người nhập cư làm tăng áp lực của đô thị; là cuộc chạy đua về hình thức; câu chuyện bản sắc, cội nguồn; thời đại công nghệ số lên ngôi, thời của Facebook, lăm lăm vô hồn, trống

rõng; trẻ con thờ ơ với lịch sử, những bảo tàng âm u mà nhân viên trực không còn buồn nhìn khách,... Nếu những chuyện như vậy không gây tranh cãi thì cũng luôn tạo được sự tương tác, đồng cảm sâu sắc với bạn đọc vì “*những điều mắt thấy tai nghe*” ấy đâu chỉ có một mình nhà văn thấy?. Chính đặc trưng tự do trong đề tài của tản văn đã tạo cơ hội cho người viết được quyền nói về mọi điều họ muốn nói, viết ra mọi suy ngẫm và cảm xúc nảy bật từ sự va đập với đời sống.

Gánh vác chức năng chủ thể sáng tạo và khơi dậy những vấn đề có tính đối thoại mở trong tản văn đầu thế kỷ XXI là những cây bút đầy bản lĩnh, dám nghĩ, dám viết quyết liệt về những vấn đề bức xúc trong xã hội hiện tại. Trần Đình Sử gọi đó là “*tiếng nói của một chủ thể quyền lực trong xã hội*”[11]. Đánh giá tạp văn Nguyễn Quang Lập, nhiều người ca ngợi ông ở khẩu khí và khẩu ngữ được sử dụng điêu luyện, thực tế, óc những độc giả am tường nhận ra ngôn ngữ chỉ là phần nổi, phần giá trị cốt lõi thực sự nằm trong những sáng tác của bộ lập là tinh thần phản tỉnh. Có thể nói ẩn sau những “câu chuyện đời vớ vẩn”, ẩn sau sự hoạt khẩu gây cười là một cái nhìn rất sâu sắc nhằm cảnh báo về những nhảm lẩn, ấu trĩ, tệ hại, xấu xa, đê tiện,... của con người trong cuộc sống. Thậm chí, như đã nói, Nguyễn Quang Lập còn mang cả bạn bè và ngay bản thân mình ra để “trần qua trở lại” xem coi có xứng đáng với chức phận của người cầm bút viết văn hay không. Sau cái vẻ cười cười những chuyện vụn vặt, giá trị sau cùng trong sáng tác của ông là thái độ và sự chân tình tự phản tỉnh về tất cả các vấn đề đời sống; về tất cả cái gì thuộc về con người nhằm đấu tranh cho cái “*luơng tâm của xã hội, của thời đại*” hôm nay trước nguy bị mất mát, lờ lỏi.

Cũng vậy, Nguyễn Vĩnh Nguyên thể hiện ý thức phản tỉnh khi anh tự trào về nghề báo mà chính mình đang ngập lặn trong đó, nhà văn viết: “*Báo chí chỉ là những tờ giấy, dù đứng dưới bất kỳ một măng-set nào. Điều tôi viết lên tờ giấy hẳn quan trọng hơn tờ giấy, nhưng điều tôi không muốn viết lên tờ giấy còn quan trọng hơn cả những gì đã viết lên tờ giấy*”. Trong một xã hội thừa mứa thông tin bề mặt ở đây, những nhà văn, nhà báo, những người vất sức lao động thực sự bị rơi vào sự lưu đày cô đơn, họ bị lấn át trước sự chèn ép của toan tính phù phiếm, và thật ít người có thể nói không để không thỏa hiệp dễ dàng với đời sống kia. Tác giả nói: “*Chưa bao giờ bạn cần đến một sự chậm rãi, một độ lùi trước những cánh rìng thông tin sốt dẻo lao xao bất chấp sự chính xác như lúc này*”. Mà rốt cuộc Nguyễn Quang Lập là ai? Nguyễn Vĩnh Nguyên là ai? Họ là những nhà văn bình thường, những trí thức bình thường sống ngoài đời hiền lành ngược hẳn với văn chương nhiều dằn vặt và gay gắt nhưng không vì những trở ngại của vị trí ở khía cạnh chính trị xã hội mà không dám sống là người tử tế, chân chính – thứ quyền lực mềm của tư tưởng và ngôn ngữ này thuyết phục số đông hơn là dùng quyền lực chính trị lãnh đạo.

Như vậy, quyền lực của chủ thể diễn ngôn trong quan niệm của nhà nghiên cứu không đơn thuần có tính chính trị hay ám chỉ người có quyền lực, vị trí quan trọng của một thể chế, đây là thứ quyền lực tư tưởng. Mặc dù Karl Marx khẳng định tư tưởng thống trị trong một xã hội là tư tưởng của giai cấp thống trị, diễn ngôn là ngôn ngữ của kẻ chiếm địa vị thống trị về tư tưởng nhưng trong một môi trường văn hóa cởi mở như ngày nay, chủ thể diễn ngôn có quyền lực nhất thường không xuất phát từ địa vị thống trị. Chủ thể diễn ngôn ở tản văn

có địa vị khác nhau, xác lập trật tự diễn ngôn khác nhau, sử dụng chiến lược diễn ngôn khác nhau, có thể họ trình bày, diễn giải quan điểm của mình nhưng nổi bật là xu hướng đối thoại, trao đổi,... Vậy giá trị thực sự trong diễn ngôn tản văn phụ thuộc nhiều vào các chủ thể xã hội đứng đằng sau diễn ngôn, xem đó là tiếng nói của ai, vào thời điểm nào. Tính đối thoại thực chất là hệ quả của sự tương tác mật thiết giữa bạn đọc với nhà văn. Đây chính là sự biến đổi theo chiều hướng tích cực của tản văn đầu thế kỷ XXI. Sự thay đổi trong đội ngũ sáng tác có ảnh hưởng tới sự thay đổi trong mối quan hệ, tương tác giữa nhà văn với bạn đọc. Khi người viết từ đền đài nghiêm trang của văn học nghệ thuật bước xuống mặt đất cuộc đời, trò chuyện với người đọc về câu chuyện hiện thời, bộc bạch những bức xúc cả hai bên đều thấy, cùng sẻ chia những ngẫm ngợi về giá trị chung thì mối quan hệ giữa nhà văn và độc giả thay đổi theo chiều hướng từ độc thoại chuyên sang đối thoại, nhà văn từ vị thế trên cao chuyên sang vị thế ngang hàng với độc giả, từ vai truyền đạt quan điểm và triết lý sang chia sẻ, phản biện. Điểm xuất phát của người viết lại vô cùng đa dạng, đem đến cho độc giả những góc nhìn đặc thù, những trải nghiệm phong phú, những thông tin cập nhật về đời sống. Nhờ đó, văn chương nghệ thuật có thể bị giải thiêng ở góc nào đó nhưng phân đời thật nhất, con người phức tạp nhất lại hiện diện đầy đủ, sống động trong tản văn.

3. KẾT LUẬN

Sự diễm diện trên có thể chưa đầy đủ bởi tản văn vẫn đang được xuất bản, xuất hiện, đến với độc giả hàng ngày bằng nhiều con đường, bằng nhiều công cụ tiện ích. Tuy nhiên, lịch sử hơn một trăm năm với hai chặng đường cho thấy tản văn không chỉ bền bỉ khẳng định những đặc trưng thể loại trong suốt thế kỷ XX (đề tài, nội dung tư tưởng, phương thức nghệ thuật, cá tính tác giả,...) mà còn tiếp tục kế thừa, thay đổi, phát triển mạnh mẽ để chứng tỏ sự thích nghi nhanh chóng với thời đại ở đầu thế kỷ XXI (ngôn ngữ, hàm lượng hiện thực của đời sống, quan niệm về nhà văn, mối quan hệ giữa nhà văn với độc giả,...). Trong đó, tăng cường tính chất đối thoại trở thành nguyên tắc giao tiếp quan trọng của tản văn, cho thấy sự thay đổi để thích nghi đáng kể nhất của thể loại giữa bối cảnh mới của đời sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Vàng Anh (2006), *Nhân trường hợp chị thờ bông*, Nxb. Hội nhà văn.
2. Phan Thị Vàng Anh (2011), *Tạp văn Phan Thị Vàng Anh*, Nxb Trẻ.
3. Chiupa V.I (2008), *Thẩm quyền diễn ngôn*.
4. Nguyễn Việt Hà (2017), *Con giai phố cổ*, Nxb. Trẻ.
5. Nguyễn Quang Lập (2015), *Kí ức vụn 1*, Nxb. Văn học.
6. Nguyễn Vĩnh Nguyên (2012), *Tản văn Nguyễn Vĩnh Nguyên*, Nxb. Lao động.
7. Vương Trí Nhàn (2016), *Nhân nào quả ấy*, Nxb. Hội Nhà Văn.
8. Y Phương (2009), *Tháng giêng - Tháng giêng... một vòng dao quắm*, Nxb. Phụ nữ.
9. Nguyễn Duy Quyền (2016), *Quên được cứ quên*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ.
10. Nguyễn Trương Quý (2012), *Hà Nội là Hà Nội*, Nxb. Trẻ.

11. Cao Huy Thuần (2012), *Chuyện trò*, Nxb.Trẻ.
12. Cao Huy Thuần (2015), *Sợi tơ nhện*, Nxb. Trẻ.

PRINCIPLES OF DIALOGUE IN VIETNAMESE ESSAYS AT THE BEGINNING OF THE 21 ST CENTURY

***Abstract:** Principles of dialogue is one of the factors that contributes to the value and attractiveness of contemporary prose. Regarding essays, they will be responsible for making value and categorizing writing's place. Principles of dialogue recognize valuable essays at the beginning of the 21st century. In these essays, authors and readers may have an opened discussion with each other about the content as well as express their opinion honestly. In fact, principles of dialogue have been presented in previous essays, yet they seem to be appeared clearly thanks to the harmony between characteristics of essays and general social conditions.*

***Keywords:** Principles of dialogue, essays, interactively, personal opinion, spirit of honesty.*